

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **497/2020/HS-PT**
Ngày: 22/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Phạm Thành Dương

Bà Hà Thị Thanh Nữ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Q1 Minh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 412/2020/TLPT-HS ngày 29/10/2020 đối với các bị cáo Phạm Hồng T, Nguyễn Đăng T1 và Nông Nguyễn Mạnh C do có kháng cáo của các bị cáo Phạm Hồng T, Nguyễn Đăng T1 và Nông Nguyễn Mạnh C đối với bản án hình sự sơ thẩm số 138/2020/HS-ST ngày 19/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Hồng T, sinh năm 1997 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp B, xã Đ, huyện M, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Hồng K, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1968; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại.

Tại bản án sơ thẩm bị cáo trình bày chưa có vợ con, nhưng tại cấp phúc thẩm bị cáo trình bày mới đăng ký kết hôn ngày 09/9/2020 và có nộp giấy đăng ký kết hôn với vợ là chị Nguyễn Việt Thực Q, sinh năm 1997, chưa có con nên bản án phúc thẩm bổ sung lý lịch về phần vợ của bị cáo.

2. Nguyễn Đăng T1, sinh năm 2000 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp L, xã C1, huyện L1, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đăng T2, sinh năm 1963 và bà Thái Thị H (đã chết); Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại.

3. **Nông Nguyễn Mạnh C**, sinh năm 1995 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: khu phố 1, phường T3, thành phố K1, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn A (đã chết) và bà Nguyễn Thị L2, sinh năm: 1964; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- **Bị hại:** Anh **Phạm Bá Q1**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: ấp T3, xã H1, huyện L1, tỉnh Đồng Nai.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Nguyễn Thị L3**, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: khu phố 1, phường T3, thành phố K1, tỉnh Đồng Nai.

2. Chị **Nguyễn Thị Cẩm L4**, sinh năm: 2001.

Địa chỉ: ấp V, xã C1, huyện L1, tỉnh Đồng Nai.

Bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Phạm Hồng T, Nguyễn Đăng T1 và Nông Nguyễn Mạnh C là công nhân làm việc tại Công ty D thuộc Khu công nghiệp huyện L1, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo T1 làm công nhân tại xưởng thuê dưới sự quản lý trực tiếp của anh Phạm Bá Q1. Vào giữa tháng 3/2020, T1 nhờ T gặp nói chuyện với anh Q1 xin cho T1 làm công việc nhẹ nhàng tại xưởng và những lúc T1 vắng mặt thì anh Q1 tạo điều kiện vẫn chấm công cho T1 nhưng anh Q1 không đồng ý và báo cáo lãnh đạo Công ty việc T1 tự ý nghỉ việc không lý do. Sau khi T gặp nói chuyện với anh Q1 thì có 04 đối tượng không rõ lai lịch đến gặp, dọa đánh T và cảnh cáo T không được gây bất lợi cho anh Q1, nên T bức tức và nhiều lần liên lạc để gặp anh Q1 giải quyết mâu thuẫn nhưng anh Q1 không đồng ý gặp T. Do đó, T nảy sinh ý định chặn bắt anh Q1 trên đường ra khỏi Công ty để đưa về quán nhậu La Gi của T nhằm giải quyết mâu thuẫn.

Khoảng 22 giờ ngày 30/3/2020, T rủ T1 và C bắt giữ anh Q1 về quán nói chuyện thì T1 và C đồng ý. T gọi cho anh Phạm Lê Minh T3 là công nhân trong Công ty nhờ anh Tuyền khi nào thấy anh Q1 tan ca thì báo cho T. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, anh Tuyền gọi cho T báo anh Q1 đã tan ca thì T, T1 và C lên xe mô tô chuẩn bị đi thì Nguyễn Thành Luân (là phụ quán của T) từ phòng ngủ trong quán đi ra nhìn thấy, nghĩ rằng T, T1, C đi chơi nên xin đi theo, T đồng ý và nói Luân lên xe đi cùng với C nhưng không nói cho Luân biết mục đích của T đi bắt giữ anh Q1. T1 điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 60B7-619.30 chở T, C điều khiển xe mô tô hiệu Honda Ware RSX, biển số 60B2-187.xx chở Luân cùng đi đến cổng Công ty Dona Standard đứng chờ anh Q1 tan ca. Đến 22 giờ 40 cùng ngày, khi nhìn thấy anh Q1 điều khiển xe mô tô đi ra khỏi cổng Công ty Dona Standard, T nói T1 điều khiển xe mô tô chở T đuổi theo, áp sát ép xe mô tô của anh Q1 dừng lại. Cùng

lúc này, C thấy T và T1 đuổi theo anh Q1 nên cũng điều khiển xe mô tô chở Luân chạy theo. Khi vừa ép xe buộc anh Q1 dừng lại, T bước xuống đẩy tay anh Q1 khỏi tay lái xe của anh Q1 và ngồi lên phía trước anh Q1 giành quyền điều khiển xe mô tô của anh Q1 rồi nói C ngồi phía sau không chế giữ anh Q1. C giao xe mô tô của C cho Luân nói Luân đưa xe về quán La Gi giúp C. Sau khi giao xe mô tô cho Luân, C ngồi lên phía sau xe anh Q1, giữ không chế anh Q1 để T điều khiển xe mô tô của anh Q1 chở áp tải anh Q1 về quán của T. Sau khi chở áp tải anh Q1 về đến quán La Gi, T đẩy anh Q1 vào trong quán vừa chửi anh Q1 vừa dùng hung khí gồm 01 thanh sắt vuông kích thước 3cm x 3cm x 40cm, 01 ly nhựa cứng (loại ly dùng uống bia) và 01 dao tự chế dài khoảng 40 cm, đe dọa, đánh anh Q1 gây thương tích. Khi thấy T đánh anh Q1, T1 và C can ngăn cho anh Q1 tự lấy xe mô tô của anh Q1 đi khỏi quán.

Hậu quả: Anh Phạm Bá Q1 bị những thương tích như sau: vết thương đầu chảy máu, dài 3cm, sâu 0,5 cm; sưng đau, bầm tím vùng vai phải. Anh Q1 đã đến khám tại phòng khám đa khoa tư nhân rồi tự điều trị tại nhà, không yêu cầu giám định thương tật và không yêu cầu truy tố về hành vi cố ý gây thương tích.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, màu trắng biển số 60B7-619.xx.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ-đen, biển số 60B2-187.xx.
- 01 thanh sắt hộp hình vuông, kích thước 3cm x 3cm, dài khoảng 40cm;
- 01 dao tự chế cán gỗ, lưỡi dao kim loại dài 45cm.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phạm Bá Q1 không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Tại Bản bản án số 138/2020/HSST ngày 19/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Hồng T, Nguyễn Đăng T1 và Nông Nguyễn Mạnh C phạm tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hồng T 10 (mười) tháng tù; bị cáo Nguyễn Đăng T1 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Nông Nguyễn Mạnh C 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 22/9/2020 và 30/9/2020, các bị cáo Phạm Hồng T, Nguyễn Đăng T1, Nông Nguyễn Mạnh C kháng cáo xin được hưởng án treo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo phù hợp về nội dung, hình thức và trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo T1 tự phúc thẩm.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo;

Tuyên bố các bị cáo Phạm Hồng T, Nguyễn Đăng T1 và Nông Nguyễn Mạnh C phạm tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hồng T 10 (mười) tháng tù; bị cáo Nguyễn Đăng T1 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Nông Nguyễn Mạnh C 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày bắt thi hành án là đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Hồng T, Nguyễn Đăng T1, Nông Nguyễn Mạnh C làm trong hạn luật định, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo T1 tự phúc thẩm.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Hồng T, Nguyễn Đăng T1, Nông Nguyễn Mạnh C thừa nhận hành vi phạm tội như mô tả tại bản án sơ thẩm; Các bị cáo xác định không bị oan sai, đồng thời trong quá T1 điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm các bị cáo không bị ép cung hoặc dùng nhục hình, lời khai của các bị cáo hoàn toàn chính xác và tự nguyện. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh “Bắt, giữ người trái pháp luật” và áp dụng hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng người và đúng tội.

[3]. Xét nội dung kháng cáo: Các bị cáo Phạm Hồng T, Nguyễn Đăng T1, Nông Nguyễn Mạnh C kháng cáo xin hưởng án treo, xét thấy:

Trong vụ án này chỉ là vụ án đồng phạm giản đơn, do muốn công việc đang làm có nhiều điều kiện thoải mái nên T1 đã nhờ T nói chuyện với anh Q1 (bị hại). Việc không phải của T nhưng T vẫn đứng ra bàn bạc bắt anh Q1 về quán Lagi của T và T là người đánh anh Q1 nên T phải chịu vai trò và trách nhiệm chính trong vụ án.

T1 là người nhờ T gặp nói chuyện với anh Q1, khi T bàn bạc nói bắt anh Q1 về quán nói chuyện T1 cũng đồng ý không có ý kiến gì. T1 là người chở T ép sát xe mô tô của anh Q1 để anh Q1 dừng xe lại, T nhảy lên giành tay lái xe với anh Q1 và chở anh Q1 về quán Lagi.

C là người được T rủ đi bắt anh Q1 về, không từ chối mà đồng ý, khi gặp anh Q1, T cầm lái xe anh Q1 còn C ngồi phía sau anh Q1 trên xe của anh Q1 để T chở anh Q1 về quán Lagi.

Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo: các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt; là lao động chính trong gia đình; bị cáo C là người dân tộc ít người, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xác định mức án phạt đối với các bị cáo là đúng quy định, tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Bị cáo T, T1 kháng cáo xin hưởng án treo nhưng tại cấp phúc thẩm bị cáo T1 không có thêm tài liệu chứng cứ gì mới, bị cáo T có nộp Giấy đăng ký kết hôn và giấy khám thai của vợ bị cáo, tuy nhiên cấp sơ thẩm đã quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nên không có căn cứ cho bị cáo hưởng án treo. Vì vậy HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo.

Đối với bị cáo Nông Nguyễn Mạnh C có vai trò là đồng phạm giúp sức trong vụ án, bị cáo chỉ có hành vi ngồi sau áp giải anh Q1 về quán. Khi thấy anh Q1 bị T đánh bị cáo C có can ngăn. Bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có nộp thêm Giấy ra viện Bệnh viện Tâm thần trung ương II của mẹ bị cáo được chẩn đoán “hưng cảm có triệu chứng loạn thần” và bị cáo C Điều trị “Viêm gan virus B mạn” của Bệnh viện nhiệt đới.

Quá T1 tại ngoại bị cáo không vi phạm gì, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dân tộc Nùng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt nên cần xem xét cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội tạo điều kiện cho bị cáo chăm sóc mẹ già và chữa bệnh, vì vậy cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ nghiêm và có tác dụng giáo dục phòng ngừa.

Bị cáo T, T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định. Bị cáo C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Đối với các nội dung khác trong bản án sơ thẩm số 138/2020/HSST ngày 19/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5]. Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với bị cáo C, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị y án là không phù hợp với quan điểm của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 01 Điều 355, 356, 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Hồng T, Nguyễn Đăng T1, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nông Nguyễn Mạnh C, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 138/2020/HSST ngày 19 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; (áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết

02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân Dân Tối cao đối với bị cáo C)

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt:

Bị cáo Phạm Hồng T 10 (mười) tháng tù;

Bị cáo Nguyễn Đăng T1 06 (sáu) tháng tù;

Đều về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Thời hạn tù của hai bị cáo tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nông Nguyễn Mạnh C 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án, về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Giao bị cáo Nông Nguyễn Mạnh C cho UBND phường T3, TP K1, tỉnh Đồng Nai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí:

Bị cáo Phạm Hồng T, Nguyễn Đăng T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nông Nguyễn Mạnh C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của Quyết định của bản án hình sự sơ thẩm 138/2020/HSST ngày 19 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp tỉnh, huyện;
- TAND cấp sơ thẩm;
- Sở tư pháp;
- Công an cấp quận, huyện;
- Phòng PV27 – Công an tỉnh;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thái Thị Thanh Bình